

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040 /QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Ngôn ngữ Nhật (Chương trình chất lượng cao)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Japanese Studies
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7220209
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	141 tín chỉ (bao gồm 4 tín chỉ giáo dục thể chất, 04 tín chỉ giáo dục quốc phòng)
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Người học được nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau: - Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn bộ khóa học đạt từ 2.00 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Trường; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của Trường; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân



12.	Vị trí việc làm:	- Dịch thuật, công tác hành chính - văn phòng, quan hệ công chúng, giao dịch với khách hàng trong các công ty, cơ quan ngoại giao, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế có sử dụng tiếng Nhật. - Nghiệp vụ bán hàng, dịch vụ khách hàng, marketing, hành chính - tổng vụ cho các công ty, doanh nghiệp Nhật Bản hoặc doanh nghiệp có đối tác Nhật Bản. - Điều hành, quản lý nghiệp vụ tại các công ty, doanh nghiệp Nhật Bản hoặc doanh nghiệp có đối tác Nhật Bản. - Điều phối và quản lý các dự án hợp tác Việt – Nhật tại các cơ quan ngoại giao, tổ chức phi chính phủ, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế, trung tâm, công ty dịch thuật. - Lễ tân tại các khách sạn, nhà hàng có khách là người Nhật Bản. - Hướng dẫn viên du lịch cho khách du lịch đến từ Nhật Bản (<i>sau khi bổ sung thêm chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nhà nước</i>). - Cán bộ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, trung tâm đào tạo tiếng Nhật (<i>sau khi bổ sung thêm những chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Nhà nước</i>). - Tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	Tùy theo nhu cầu và mục tiêu học tập, người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành ngôn ngữ Nhật có thể theo học các bậc học Sau đại học được đào tạo tại Nhật Bản hoặc Việt Nam như ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật, ngành ngôn ngữ Nhật, ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, ngành Nhật Bản học, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh tế phát triển, ngành Du lịch, Truyền thông báo chí v.v.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	- Chương trình đào tạo Ngành ngôn ngữ Nhật Đại học San José State, Hoa Kỳ - Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Đại học New South Wales, Úc - Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật Đại học Quốc gia Úc, Úc.

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật hệ đào tạo chất lượng cao của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đào tạo

người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo; sử dụng kiến thức ngôn ngữ Nhật chuyên sâu để phản ứng một cách tự nhiên trước các vấn đề trong nhiều bối cảnh khác nhau; Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và học thuật liên quan đến ngôn ngữ Nhật đáp ứng nhu cầu xã hội và của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

2. Mục tiêu cụ thể

CTĐT ngành Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng được thiết kế với các mục tiêu:

Mã	Nội dung mục tiêu chương trình đào tạo
1. Về kiến thức	
PO1	Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, kinh tế, công nghệ thông tin.
PO2	Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, văn học của Nhật Bản.
PO3	Có kiến thức ngôn ngữ Nhật chuyên sâu để phản ứng một cách tự nhiên trước các vấn đề trong nhiều bối cảnh khác nhau.
PO4	Có kiến thức chuyên sâu về dịch thuật ở các lĩnh vực đa dạng.
2. Về kỹ năng	
PO5	Có kỹ năng ngoại ngữ 2 theo quy định.
PO6	Có tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	
PO7	Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.
PO8	Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng mang tính quốc tế, chủ động tích lũy và cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp, hướng đến học tập suốt đời.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt. Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Nhật, người học có khả năng:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
PLO1	Áp dụng kiến thức về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, kinh tế vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 1.1	Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
PI 1.2	Áp dụng kiến thức về khoa học chính trị vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 1.3	Áp dụng luật và các văn bản dưới luật vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 1.4	Áp dụng kiến thức về các vấn đề kinh tế vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PLO2	Phân tích được các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, văn học của Nhật Bản.
PI 2.1	Phân tích được các vấn đề ngôn ngữ dưới góc độ từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, ngữ nghĩa.
PI 2.2	Phân tích được các vấn đề văn hóa, xã hội, văn học của Nhật Bản
PLO3	Thể hiện năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật một cách hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp, đạt bậc 5/6 Khung Năng lực ngoại ngữ quốc gia hoặc chứng chỉ N2 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật JLPT hoặc tương đương khác.
PI 3.1	Thể hiện năng lực đọc hiểu các văn bản thực tế đa dạng chủ đề, chủ động sử dụng hiệu quả các công cụ tra cứu.
PI 3.2	Thể hiện năng lực nghe hiểu văn bản nói thực tế đa dạng chủ đề.
PI 3.3	Tự tin thể hiện năng lực nói một cách tự nhiên phù hợp với thể loại và đối tượng.
PI 3.4	Tạo ra văn bản viết với phong cách đa dạng.
PLO4	Thực hiện thành thạo các tác vụ dịch thuật; Đánh giá kết quả dịch thuật; Tổ chức thực hiện dự án dịch thuật đa ngành có sử dụng tiếng Nhật.
PI 4.1	Thể hiện kiến thức, kỹ năng biên dịch thành thạo nhiều loại văn bản viết khác nhau.
PI 4.2	Thể hiện kiến thức, kỹ năng phiên dịch thành thạo với nhiều lĩnh vực và loại hình phiên dịch khác nhau.
PI 4.3	Có khả năng đánh giá và hoàn thiện văn bản dịch.
PI 4.4	Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện dự án dịch thuật.
PLO5	Ứng dụng được công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.
	Đánh giá theo kỳ thi chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định
Về kỹ năng	
PLO6	Giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân.
PI 6.1	Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, phong cách giao tiếp để thực hiện giao tiếp giữa cá nhân với các đối tượng giao tiếp khác nhau.
PI 6.2	Có khả năng thuyết trình trước đám đông và bảo vệ quan điểm cá nhân.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
PI 6.3	Nêu quan điểm và tranh luận về những ý tưởng phức tạp bằng nhiều phương tiện truyền thông phù hợp
PLO7	Sử dụng được ngoại ngữ 2, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định.
	Đánh giá theo kỳ thi chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ 2 theo quy định
PLO8	Giải quyết các vấn đề phức tạp trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 8.1	Có khả năng xác định được vấn đề phức tạp xuất phát từ nhu cầu thực tế cần giải quyết.
PI 8.2	Chủ động tham gia giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực hành nghề nghiệp và học thuật.
PLO9	Liên hệ tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp với hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 9.1	Liên hệ tư duy phản biện với hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 9.2	Có tư duy khởi nghiệp, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO10	Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động cụ thể.
PI 10.1	Hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến dự án thực hành nghề nghiệp.
PI 10.2	Hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến dự án nghiên cứu học thuật.
PLO11	Thể hiện trách nhiệm công dân, tác phong chuyên nghiệp, đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật, đủ sức khỏe để thực hiện công việc.
PI 11.1	Thể hiện được trách nhiệm công dân.
PI 11.2	Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, tự xác định vị trí của bản thân và định hướng phát triển nghề nghiệp.
PI 11.3	Có đạo đức, trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 11.4	Có đủ sức khỏe để thực hiện hoạt động nghề nghiệp và học thuật
PLO12	Làm việc độc lập và cộng tác hiệu quả với người khác khi tham gia hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
PI 12.1	Thể hiện tốt năng lực tự chủ của bản thân khi làm việc độc lập.
PI 12.2	Xác định rõ vai trò của bản thân và cộng tác làm việc hiệu quả với người khác khi tham gia vào các công việc trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO13	Kết hợp linh hoạt các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy và cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp, hướng đến học tập suốt đời.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
PI 13.1	Định hình chiến lược học tập phù hợp với bản thân.
PI 13.2	Thể hiện sự chủ động và tự định hướng thông qua việc thu nhận kiến thức và trau dồi kỹ năng để hoàn thành sự nghiệp cá nhân.

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu (POs)		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Về kiến thức														
PO1	Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, kinh tế, công nghệ thông tin.	X	X		X	X			X	X			X	X
PO2	Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, văn học của Nhật Bản.		X	X	X	X			X	X	X		X	X
PO3	Có kiến thức ngôn ngữ Nhật chuyên sâu để phản ứng một cách tự nhiên trước các vấn đề trong nhiều bối cảnh khác nhau.			X	X	X	X		X	X			X	X
PO4	Có kiến thức chuyên sâu về dịch thuật ở các lĩnh vực đa dạng.	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X
2. Về kỹ năng														
PO5	Có kỹ năng ngoại ngữ 2 theo quy định.				X			X					X	X
PO6	Có tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động nghề nghiệp và học thuật.		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm														
PO7	Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.	X	X		X	X	X			X		X	X	

Mục tiêu (POs)		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO8	Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng mang tính quốc tế, chủ động tích lũy và cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp, hướng đến học tập suốt đời.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

CDR Khung TĐQG CDR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC TN1	TC TN2	TC TN3	TC TN4
PLO1	X	X					X	X							X
PLO2	X	X			X	X	X	X	X			X	X		X
PLO3	X	X	X		X	X	X		X	X		X			X
PLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO5			X			X				X		X	X	X	X
PLO6						X		X		X	X	X		X	X
PLO7						X				X	X				X
PLO8						X		X		X		X	X	X	X
PLO9						X	X	X	X	X		X		X	X
PLO10				X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO11						X	X					X	X	X	X
PLO12				X	X	X	X			X		X	X	X	X
PLO13			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn,

pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
---	--	---

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Văn Long